

PHỤ LỤC 1

KINH PHÍ CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TẬP THỂ, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC DÂN SỐ

Kinh phí ngân sách tỉnh

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng kinh phí
	TỔNG KINH PHÍ	489,081	782,355	893,083	928,843	986,442	912,432	940,018	965,816	6,898,070
I	Tập thể	124,266	217,540	228,268	264,028	247,042	300,682	272,968	198,766	1,853,560
1	Tập thể xã đạt 5 năm liên tục không sinh con thứ 3 trở lên...	-	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	
2	Tập thể thôn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3	-	14,304	14,304	26,820	17,880	44,700	8,940	13,410	
3	Tập thể xã, phường, thị trấn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	-	17,880	17,880	14,304	14,304	14,304	14,304	14,304	
4	Tập thể xã thuộc vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	-	13,410	13,410	8,940	7,152	7,152	13,410	7,152	
5	Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ) đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	8,940	7,152	17,880	13,410	7,152	7,152	8,940	7,152	
6	Xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước:...	57,216	71,520	71,520	107,280	107,280	134,100	134,100	63,474	

[illegible]

PHỤ LỤC 2

**KINH PHÍ CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, HỖ TRỢ
TẬP THỂ, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC DÂN SỐ NĂM 2**
Kinh phí ngân sách tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh
ĐVT: nghìn

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức
	TỔNG KINH PHÍ NĂM 2023			
I	Tập thể			
1	Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ) đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	Xã	10	894
2	Xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước:...	Xã	64	894
3	Xã đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ: ...	Xã	65	894
II	Cá nhân			
1	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là người dân tộc thiểu số chỉ sinh 2 con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai)	cá nhân	300	1,000
2	Cá nhân Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con, tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn hoặc vượt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia tầm soát trước sinh và sơ sinh được khuyến khích, hỗ trợ bằng tiền. (20% số lượng cộng tác viên)	CTV	145	447

Ợ ĐỐI VỚI
2022

ị Đăk Nông)
n đồng

Thành tiền
489,081
124,266
8,940
57,216
58,110
364,815
300,000
64,815

PHỤ LỤC 2
KINH PHÍ CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI
TẬP THỂ, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC DÂN SỐ NĂM 2024

Kinh phí ngân sách tỉnh
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)
ĐVT: nghìn đồng

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	KINH PHÍ NĂM 2024				782,355
I	Tập thể				217,540
1	Tập thể xã đạt 5 năm liên tục không sinh con thứ 3 trở lên...	xã	10	2,980	29,800
2	Tập thể thôn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3	Thôn	16	894	14,304
3	Tập thể xã, phường, thị trấn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	20	894	17,880
4	Tập thể xã thuộc vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	15	894	13,410
5	Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ) đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	8	894	7,152
6	xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước:...	xã	80	894	71,520
7	Số xã đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ: ...	xã	71	894	63,474
II	Cá nhân				564,815
1	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là người dân tộc thiểu số chỉ sinh 2 con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai)	cá nhân	500	1,000	500,000

2	Cá nhân Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con, tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn hoặc vượt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia tầm soát trước sinh và sơ sinh được khuyến khích, hỗ trợ bằng tiền. (20% số lượng cộng tác viên)	CTV	145	447	64,815
---	--	-----	-----	-----	--------

PHỤ LỤC 2

**KINH PHÍ CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, HỖ TRỢ
TẬP THỂ, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC DÂN SỐ NĂM 2025**
Kinh phí ngân sách tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh
ĐVT: nghìn

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức
	KINH PHÍ NĂM 2025			
I	Tập thể			
1	Tập thể xã đạt 5 năm liên tục không sinh con thứ 3 trở lên...	xã	10	2,980
2	Tập thể thôn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3	Thôn	16	894
3	Tập thể xã, phường, thị trấn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	20	894
4	Tập thể xã thuộc vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	15	894
5	Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ) đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	20	894
6	xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước:...	xã	80	894
7	Số xã đạt 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ: ...	xã	71	894
II	Cá nhân			
1	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là người dân tộc thiểu số chỉ sinh 2 con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai)	cá nhân	600	1,000
2	Cá nhân Công tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con, tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn hoặc vượt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia tầm soát trước sinh và sơ sinh được khuyến khích, hỗ trợ bằng tiền. (20% số lượng công tác viên)	CTV	145	447

**Ợ ĐỐI VỚI
2025**

h Đắk Nông)
đồng

Thành tiền
893,083
228,268
29800
14,304
17,880
13,410
17,880
71,520
63,474
664,815
600,000
64,815

PHỤ LỤC 2

**KINH PHÍ CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, HỖ TÌ
TẬP THỂ, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC DÂN SỐ**

Kinh phí ngân sách tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉ
ĐVT: nghìn

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức
	KINH PHÍ NĂM 2026			
I	Tập thể			
1	Tập thể xã đạt 5 năm liên tục không sinh con thứ 3 trở lên...	xã	10	2,980
2	Tập thể thôn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3	Thôn	30	894
3	Tập thể xã, phường, thị trấn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	16	894
4	Tập thể xã thuộc vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	10	894
5	Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ) đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	15	894
6	xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước:...	xã	120	894
7	Số xã đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ: ...	xã	71	894
II	Cá nhân			
	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là người dân tộc thiểu số chỉ sinh 2 con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai)	cá nhân	600	1,000
	Cá nhân Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con, tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn hoặc vượt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia tầm soát trước sinh và sơ sinh được khuyến khích, hỗ trợ bằng tiền. (20% số lượng cộng tác viên)	CTV	145	447

RỢ ĐỐI VỚI

nh Đăk Nông)
1 đồng

Thành tiền
928,843
264,028
29,800
26,820
14,304
8,940
13,410
107,280
63,474
664,815
600,000
64,815

PHỤ LỤC 2

KINH PHÍ CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, HỖ TRỢ TẬP THỂ, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC DÂN SỐ NĂM
Kinh phí ngân sách tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh
ĐVT: nghìn đồng)

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức
	KINH PHÍ NĂM 2027			
I	Tập thể			
1	Tập thể xã đạt 5 năm liên tục không sinh con thứ 3 trở lên...	xã	10	2,980
2	Tập thể thôn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3	Thôn	20	894
3	Tập thể xã, phường, thị trấn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	16	894
4	Tập thể xã thuộc vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	8	894
5	Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ) đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	8	894
6	xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước:...	xã	120	894
7	Số xã đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ: ...	xã	71	894
II	Cá nhân			
1	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là người dân tộc thiểu số chỉ sinh 2 con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai)	cá nhân	650	1,000

2	Cá nhân Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con, tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn hoặc vượt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia tầm soát trước sinh và sơ sinh được khuyến khích, hỗ trợ bằng tiền. (20% số lượng cộng tác viên)	CTV	200	447
---	--	-----	-----	-----

RỢ ĐỐI VỚI
[2027

nh Đắk Nông)
in đồng

Thành tiền
986,442
247,042
29800
17,880
14,304
7,152
7,152
107,280
63,474
739,400
650,000

89,400

PHỤ LỤC 2

KINH PHÍ CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TẬP THỂ, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC DÂN SỐ NĂM 2028

Kinh phí ngân sách tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh
ĐVT: nghìn đồng)

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	KINH PHÍ NĂM 2028				912,432
I	Tập thể				300,682
1	Tập thể xã đạt 5 năm liên tục không sinh con thứ 3 trở lên...	xã	10	2,980	29,800
2	Tập thể thôn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3	Thôn	50	894	44,700
3	Tập thể xã, phường, thị trấn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	16	894	14,304
4	Tập thể xã thuộc vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	8	894	7,152
5	Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ) đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	8	894	7,152
6	xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước:...	xã	150	894	134,100
7	Số xã đạt 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ: ...	xã	71	894	63,474
II	Cá nhân				611,750
1	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là người dân tộc thiểu số chỉ sinh 2 con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai)	cá nhân	500	1,000	500,000

2	Cá nhân Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con, tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn hoặc vượt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia tầm soát trước sinh và sơ sinh được khuyến khích, hỗ trợ bằng tiền. (30% số lượng cộng tác viên)	CTV	250	447	111,750
---	--	-----	-----	-----	---------

PHỤ LỤC 2

KINH PHÍ CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TẬP THỂ, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC DÂN SỐ NĂM 2029

Kinh phí ngân sách tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Đắk ĐVT: nghìn đồng

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	KINH PHÍ NĂM 2029				940,018
I	Tập thể				272,968
1	Tập thể xã đạt 5 năm liên tục không sinh con thứ 3 trở lên...	xã	10	2,980	29,800
2	Tập thể thôn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3	Thôn	10	894	8,940
3	Tập thể xã, phường, thị trấn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	16	894	14,304
4	Tập thể xã thuộc vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	15	894	13,410
5	Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ) đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	10	894	8,940
6	xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước:...	xã	150	894	134,100
7	Số xã đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ: ...	xã	71	894	63,474
II	Cá nhân				667,050
1	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là người dân tộc thiểu số chỉ sinh 2 con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai)	cá nhân	600	1,000	600,000

2	Cá nhân Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con, tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn hoặc vượt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia tầm soát trước sinh và sơ sinh được khuyến khích, hỗ trợ bằng tiền. (40% số lượng cộng tác viên)	CTV	150	447	67,050
---	--	-----	-----	-----	--------

PHỤ LỤC 2

KINH PHÍ CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, HỖ TRỢ TẬP THỂ, CÁ NHÂN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC DÂN SỐ NĂM

Kinh phí ngân sách tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh
ĐVT: nghìn

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức
	KINH PHÍ NĂM 2030			
I	Tập thể			
1	Tập thể xã đạt 5 năm liên tục không sinh con thứ 3 trở lên...	xã	10	2,980
2	Tập thể thôn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3	Thôn	15	894
3	Tập thể xã, phường, thị trấn đạt 3 năm liên tục không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	16	894
4	Tập thể xã thuộc vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	8	894
5	Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định của Chính phủ) đạt 1 năm không có người sinh con thứ 3 trở lên:...	xã	8	894
6	xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước:...	xã	71	894
7	Số xã đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ: ...	xã	71	894
II	Cá nhân			
1	Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là người dân tộc thiểu số chỉ sinh 2 con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy tránh thai)	cá nhân	700	1,000
2	Cá nhân Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con, tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn hoặc vượt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia tầm soát trước sinh và sơ sinh được khuyến khích, hỗ trợ bằng tiền. (40% số lượng cộng tác viên)	CTV	150	447

**Ợ ĐỐI VỚI
2030**

h Đắk Nông)
n đồng

Thành tiền
965,816
198,766
29,800
13,410
14,304
7,152
7,152
63,474
63,474
767,050
700,000
67,050